

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HS-ST
Ngày 19-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Phùng

Bà Khúc Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 72/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Hoàng Hải N, sinh ngày 29/5/2002 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Hoàng Văn Đ1, sinh năm 1968 và bà Phạm Thị C1, sinh năm 1975; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/11/2020; có mặt.

- Bị hại: Ông Phạm Văn K, sinh năm 1950; đã chết ngày 09/8/2020.

- Đại diện hợp pháp cho bị hại: Bà Lê Thị L, sinh năm 1955. Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hoàng Văn Đ1, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bà Phạm Thị C1, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người làm chứng*: Phạm Văn D; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 35 phút ngày 08/8/2020, Hoàng Hải N (không có giấy phép lái xe theo quy định) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15F1-142.60 đi trên đường 362 theo hướng từ thị trấn N về xã M đã va chạm vào ông Phạm Văn K đang đứng ở lề đường bên phải, phần cánh yếm bên trái và cần gạt số phía trước xe va chạm vào chân trái ông Phạm Văn K khiến xe N bị đổ trượt trên vỉa hè còn ông K bị ngã tại chỗ. Hậu quả ông K được đưa đi cấp cứu, đến hồi 19 giờ 30 phút ngày 09/8/2020 ông K tử vong, còn N bị xây xước nhẹ. Ngay sau khi xảy ra tai nạn, N đã thông báo cho gia đình đến giải quyết, sau đó điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15F1-142.60 về nhà. Do không có giấy phép lái xe theo quy định nên N đã giao nộp cho cơ quan Công an xe mô tô khác nhãn hiệu Wave biển kiểm soát 15AE-023.36. Đến sáng ngày 09/8/2020, N nhờ bố đẻ là ông Hoàng Văn Đ1 giao nộp xe mô tô biển kiểm soát 15F1-142.60 cho cơ quan Công an.

Kết quả khám nghiệm tử thi ông K xác định: Xung quanh gối trái và 1/3 giữa cẳng chân trái có nhiều vết xây xước trượt da trong diện 17x25cm, giữa đám này cách gót chân trái 23cm; vùng thái dương - chẩm trái có đám phù nề dập rách da (bề mặt có nhiều máu đông) trong diện rộng 08x11cm; mặt trên bả vai trái sưng nề màu tím kích thước 08x10cm; mặt sau bả vai trái có đám xây xước trượt da 09x13cm. Kết luận giám định số 165/2020/GDPY ngày 11/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Nguyên nhân chết của ông Phạm Văn K là sốc do đa chấn thương.

Kết quả khám nghiệm hiện trường và thực nghiệm điều tra đã xác định: Đoạn đường xảy ra vụ tai nạn là đường 362 trước cửa nhà ông K. Lòng đường rộng 08m được trải bê tông nhựa phẳng thẳng; lề đường hai bên rộng 02m; phần lề đường đến cổng nhà ông K rộng 04m được trải bê tông xi măng; xung quanh hiện trường không có biển báo giao thông và vạch kẻ đường (lấy mép bên phải đường 362 hướng thị trấn N đi xã M làm chuẩn để xác định vị trí các dấu vết liên quan). Hiện trường để lại các dấu vết như sau:

Vết máu kích thước 0m30x0m20 nằm trên lòng đường, tâm vết máu cách mép đường 0m50, đầu vết máu cách đầu vết trượt mài 02m85. Vết trượt mài màu xám trắng dạng đứt đoạn nằm trên lề đường bên phải, kích thước dài 04m40, rộng

0m05, có hướng từ thị trấn N đi xã M và hướng từ mặt đường 362 xiên vào lề đường bên phải, đầu vết trượt mài cách mép đường là 0m40, cuối vết trượt mài cách mép đường là 01m15, cách mảnh nhựa vỡ là 01m90. Mảnh nhựa vỡ màu đen kích thước 60x12cm nằm trên lề đường bên phải, tâm mảnh nhựa vỡ ra mép đường là 03m10. Xe mô tô biển kiểm soát 15F1-14260 nằm đổ nghiêng bên phải trên lề đường bên phải trong khu vực bãi tập kết vật liệu xây dựng của nhà anh Trương Văn Q, đầu xe quay hướng xã M, đuôi xe quay hướng thị trấn N, trục bánh trước của xe cách mép đường 03m30; trục bánh sau của xe cách mép đường 03m00, cách cuối vết trượt mài là 05m00.

Kết quả khám phương tiện xe mô tô biển kiểm soát 15F1-142.60 xác định: Phần nhựa bên phải xe có một số vết trượt mài, bám dính tạp chất đất, cát. Phần nhựa phía trong cánh yếm bên trái của xe bị vỡ mất mảnh, mảnh vỡ to nhất có kích thước 60x12cm. Khớp mảnh nhựa do ông Phạm Văn D (là em trai của ông K) giao nộp xác định phù hợp với màu sơn và kích thước bị vỡ. 1/2 cần gạt số trước của xe bị cong gập theo hướng từ trước về sau, từ trong ra ngoài tạo góc vuông 90 độ. Đo từ điểm thấp nhất của vết này xuống mặt đất ở trạng thái thẳng bằng bình thường của xe là 20cm. Khám phương tiện xe mô tô biển kiểm soát 15AE-023.36: Không phát hiện có dấu vết gì liên quan đến vụ tai nạn.

Sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo N cùng gia đình đã bồi thường đầy đủ cho gia đình ông K số tiền 150.000.000 đồng. Đại diện gia đình ông K đều không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Vật chứng thu giữ: 01 xe ô tô biển kiểm soát 15F1-142.60, 01 mảnh nhựa vỡ màu đen kích thước 60x12cm, 01 mảnh nhựa vỡ màu đen kích thước 07x04cm, 01 đệm cao su hình tròn đường kính 03 cm chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện K để xử lý theo vụ án. Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 15AE-023.36, Cơ quan điều tra đã xác minh trả lại cho bị cáo là chủ sở hữu.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKSKT ngày 24/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận tội: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 08/8/2020, N tự ý lấy xe mô tô biển kiểm soát 15F1-142.60 của bố mẹ là ông Hoàng Văn Đ1 và bà Phạm Thị C1 đi mua thức ăn, sau đó quay về nhà đi trên đường 362 theo hướng từ thị trấn N về xã M. Do ánh đèn chiếu xa của xe ô tô đi ngược chiều khiến N bị lóa mắt, nên N đã giảm tốc độ và điều khiển xe đi sát phần đường bên phải thì bất ngờ phát hiện ở phía trước cách khoảng 02m có ông K đang

đứng ở lề đường. Do không kịp xử lý nên xe mô tô đã va chạm vào chân trái ông K, làm xe của N bị đổ trượt trên lề đường bên phải, ông K bị ngã tại vị trí va chạm. Hậu quả ông K được đưa đi cấp cứu, đến hồi 19 giờ 30 phút ngày 09/8/2020 ông K tử vong, N bị xây xước nhẹ.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị L khai: Bà là vợ của ông Phạm Văn K. Các con của ông bà đã cùng T ủy quyền cho bà đại diện tham gia tố tụng tại các cơ quan tiến hành tố tụng. Sau khi xảy ra tai nạn khiến ông K bị chết, bị cáo N và gia đình đã tự nguyện bồi thường đầy đủ cho gia đình bà số tiền 150.000.000 đồng. Nay gia đình bà không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N.

Tại phiên tòa, ông Hoàng Văn Đ1 và bà Phạm Thị C1 T khai: Ông bà là bố mẹ đẻ bị cáo N. Tối ngày 08/8/2020, N chưa có giấy phép lái xe đã tự ý lấy xe mô tô biển kiểm soát 15F1-142.60 thuộc sở hữu của ông bà đi lúc nào ông bà không biết, không hỏi ý kiến ông bà. Khoảng 20 giờ 35 phút cùng ngày, ông bà nhận được thông báo việc N gây tai nạn cho ông K. Ngày 09/8/2020 ông Đ1 đã giao nộp xe mô tô biển kiểm soát 15F1-142.60 cho cơ quan Công an. Sau khi gây ra tai nạn, N rất ăn năn hối cải và đã tác động gia đình bồi thường đầy đủ cho gia đình ông K số tiền 150.000.000 đồng. Nay ông bà không yêu cầu N phải trả lại số tiền trên cũng như tiền sửa chữa hư hỏng của xe mô tô biển kiểm soát 15F1-142.60. Ông bà đề nghị được nhận lại xe mô tô biển kiểm soát 15F1-142.60 để làm phương tiện đi lại chung cho gia đình, còn 02 mảnh nhựa vỡ và 01 đệm cao su không yêu cầu nhận lại.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và xử lý vật chứng như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ các điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Hoàng Hải N mức án từ 30 – 36 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 60 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo tác động cùng gia đình, tự nguyện bồi thường đầy đủ theo yêu cầu của gia đình bị hại số tiền 150.000.000 đồng. Nay đại diện hợp pháp cho bị hại không yêu cầu đề nghị gì thêm, gia đình bị cáo N không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền đã bồi thường cho gia đình bị hại và tiền sửa chữa xe mô tô biển kiểm soát 15F1-142.60, nên không đặt ra trách nhiệm cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Tịch thu tiêu hủy: 01 mảnh nhựa vỡ màu đen kích thước 60x12cm, 01 mảnh nhựa vỡ màu đen kích thước 07x04cm, 01 đệm cao su hình tròn đường kính 03 cm.

- Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho ông Hoàng Văn Đ1 và bà Phạm Thị C1 01 xe mô tô BKS 15F1-142.60.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, bị cáo thành khẩn khai nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với sơ đồ hiện trường nơi xảy ra vụ án, vật chứng thu giữ, biên bản khám nghiệm tử thi, dấu vết phương tiện, kết luận giám định pháp y, lời khai của đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 20 giờ 35 phút ngày 08/8/2020, Hoàng Hải N đã có hành vi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15F1-14260 tham gia giao thông trên đường 362 thuộc thôn T, xã M, huyện K, không có giấy phép lái xe theo quy định; điều khiển xe mô tô đi không giảm tốc độ có thể dừng lại một cách an toàn nên đã va chạm vào người ông K gây tai nạn làm ông K bị chết. Hành vi của N đã vi phạm khoản 9 Điều 8; khoản 1 Điều 58; điểm a khoản 2 Điều 59 Luật Giao thông đường bộ và khoản 2 Điều 5 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ. Như vậy, hành vi của bị cáo Hoàng Hải N đã thỏa mãn cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm an toàn công cộng, tính mạng và tài sản của công dân. Cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo, đồng thời để phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo tác động cùng gia đình tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả đầy đủ theo yêu cầu của đại diện hợp pháp bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng. Tại giai đoạn điều tra và giai đoạn xét xử, đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có ông nội được thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ Hạng Nhì; gia đình bị cáo có đơn bảo lãnh được chính quyền xác nhận. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi tai nạn xảy ra, ông Phạm Văn K bị chết. Tổng chi phí và mai táng phí là 150.000.000 đồng. Giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại đã tự thỏa thuận bồi thường xong số tiền trên. Nay đại diện hợp pháp cho bị hại không yêu cầu đề nghị gì thêm. Gia đình bị cáo N không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền đã bồi thường cho gia đình bị hại, không yêu cầu bồi thường tiền sửa chữa hư hỏng của xe mô tô biển kiểm soát 15F1-142.60, xét sự thỏa thuận T của các bên là tự nguyện được chấp nhận nên không đặt ra trách nhiệm cho bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 mảnh nhựa vỡ màu đen kích thước 60x12cm, 01 mảnh nhựa vỡ màu đen kích thước 07x04cm, 01 đệm cao su hình tròn đường kính 03 cm đều không còn giá trị sử dụng, tại phiên tòa ông Đ1, bà C1 không yêu cầu nhận lại, cần tịch thu tiêu hủy. 01 xe mô tô BKS 15F1-142.60 cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Hoàng Văn Đ1 và bà Phạm Thị C1.

[8] Trong vụ án này, ông Hoàng Văn Đ1 và bà Phạm Thị C1 đều không biết việc N tự ý lấy xe mô tô BKS 15F1-142.60 điều khiển tham gia giao thông, không giao xe cho N nên không bị xử lý là có căn cứ.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Hoàng Hải N 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo N cho UBND xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.”

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 mảnh nhựa vỡ màu đen kích thước 60x12cm, 01 mảnh nhựa vỡ màu đen kích thước 07x04cm, 01 đệm cao su hình tròn đường kính 03 cm (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K)

- Trả lại 01 xe mô tô BKS 15F1-142.60 cho ông Hoàng Văn Đ1 và bà Phạm Thị C1 (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K)

Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Đ1, bà C1 có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- THA hình sự + PC 10 + PV 06
- Chi cục THADS + Sở Tư pháp;
- Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã M;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thanh Huyền

